

B NG KH U HAOTÀI S N C NH

VT: ng

STT	Lo i TSC	2011	2012	2013	2014	2015
I	Ti n thuê t, tôn n n	30.396.856.000,00	30.396.856.000,00	30.396.856.000,00	30.396.856.000,00	30.396.856.000,00
	+ Chi phí phân b hàng n m	633.268.000,00	633.268.000,00	633.268.000,00	633.268.000,00	633.268.000,00
II	Nguyên giá máy móc thi t b	14.909.935.238,00	14.909.935.238,00	17.409.935.238,00	21.328.935.238,00	21.328.935.238,00
1	Trích KH CB (12,5%/n m)	1.863.741.905,00	1.863.741.905,00	2.176.241.905,00	2.666.116.905,00	2.666.116.905,00
2	Trích KH SCL (2,5% nguyên giá)	-	372.748.300,00	372.748.300,00	435.248.380,00	533.223.380,00
III	Nguyên giá v n phòng, nhà x ng	34.655.790.000,00	34.650.790.000,00	34.655.790.000,00	34.655.790.000,00	34.655.790.000,00
1	Trích KH CB (5%/n m)	1.732.789.500,00	1.732.789.500,00	1.732.789.500,00	1.732.789.500,00	1.732.789.500,00
2	Trích KH SCL (1% nguyên giá)	-	346.557.900,00	346.557.900,00	346.557.900,00	346.557.900,00
IV	Nguyên giá các h ng m c XD CB khác	8.886.152.000,00	8.886.152.000,00	8.886.152.000,00	8.886.152.000,00	8.886.152.000,00
1	Trích KH CB (12,5%/n m)	1.110.769.000,00	1.110.769.000,00	1.110.769.000,00	1.110.769.000,00	1.110.769.000,00
2	Trích KH SCL (2,5% nguyên giá)	-	222.153.800,00	222.153.800,00	222.153.800,00	222.153.800,00
V	Nguyên giá ph ng tỉ n v n t i	4.568.760.000,00	7.627.860.000,00	9.804.150.000,00	11.3420745.000,00	14.453.195.000,00
1	Trích KH CB (12,5%)	571.095.000,00	953.482.500,00	1.225.518.750,00	1.417.843.125,00	1.806.649.375
2	Trích KH SCL (3% nguyên giá)	-	137.062.800,00	228.835.800,00	294.124.500,00	340.282.350,00
	T ng c ng KH TSC :	5.911.663.405,00	7.372.573.705,00	8.048.882.955,00	8.858.871.110,00	9.391.810.210,00
	Trong ó:					
	- KH CB TSC	5.911.663.405,00	6.294.050.905,00	6.878.587.155,00	7.560.786.530,00	7.949.592.780,00
	- KH SCL TSC		1.078.522.800,00	1.170.295.800,00	1.298.084.580,00	1.442.217.430,00